

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 7 - 2018

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Lâm và ông Đinh Tuấn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 04/7/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2018, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà VTM, sinh năm 1961

- *Bị đơn:* Ông NVS, sinh năm 1958

Cùng địa chỉ cư trú tại: Tổ X, Ấp Y, xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2018, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tổ chức kết hôn tại gia đình, vợ chồng sống chung từ cuối năm 1986, đến nay chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Từ năm 1986, vợ chồng sinh sống tại xã PT, huyện T P, tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế (tiền sử dụng của vợ chồng). Từ năm 2015, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến tháng 8/2017, nguyên đơn đi về miền Bắc để lo công việc, ở nhà bị đơn đập phá nhà, đồ dùng trong gia đình và hủy hoại quần áo của nguyên đơn. Đến tháng 10/2017, nguyên đơn trở về lại Đồng Nai nhưng không về nhà mà thuê nhà khác sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Tháng 02/2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, sau đó rút yêu cầu khởi kiện để cho bị đơn cơ hội sửa đổi bản thân nhưng bị đơn vẫn không thay đổi. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn.

Vợ chồng có 03 người con là: NVS, sinh năm 1987, NVL, sinh năm 1989 và NTL, sinh năm 1991. Các con đã đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân, vợ chồng không có nợ chung và tài sản chung thì vợ chồng tự thỏa thuận nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018 trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, con, quan hệ tài sản chung, nợ chung thì nguyên đơn trình bày đúng sự thật. Bị đơn và nguyên đơn quen biết từ tháng 7/1986 đến ngày 12/8/1986 thì có tổ chức đám cưới tại gia đình nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn với cơ quan Nhà nước thẩm quyền. Vợ chồng sống hạnh phúc, có 03 người con, có tài sản chung và thời gian khoảng 3-4 năm gần đây thì thường xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2014, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về tài sản do cho con mượn chưa trả. Đến tháng 8/2017, nguyên đơn về miền Bắc khoảng 01 tháng, đến ngày về lại tỉnh Đồng Nai thì chuyển đến sống với con gái và vợ chồng sống ly thân đến nay. Do nguyên đơn không sống chung với bị đơn nên bị đơn có đập phá tài sản trong nhà. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bị đơn không đồng ý ly hôn vì hiện tuổi đã cao. Tuy nhiên, nếu các con trả lại cho ông tài sản đã cho mượn thì bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28 khoản 1; Điều 39, 203, 205, 227 khoản 1 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà VTM được ly hôn với ông NVS; về con chung, tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không xem xét giải quyết; về án phí: Bà VTM phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật có tranh chấp phải giải quyết trong vụ án được xác định là: “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại xã PT, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa xét xử vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Hôn nhân của các đương sự là tự nguyện, quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; khi một bên yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý vụ án áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Các đương sự sống chung hạnh phúc từ cuối năm 1986 đến khoảng năm 2013 - 2014 thì phát sinh mâu thuẫn về sử dụng tài sản của vợ chồng. Từ năm 2015, vợ chồng sống chung nhà nhưng không quan tâm, chăm sóc nhau. Đến tháng 8/2017, bị đơn uống rượu về đập phá nhà, đồ đạc trong gia đình và phá hủy quần áo của nguyên đơn. Từ tháng 10/2017, vợ chồng sống ly thân đến nay. Đến tháng 02/2018, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và đã rút yêu cầu khởi kiện để bị đơn sửa đổi bản thân nhưng bị đơn vẫn không thay đổi tư tưởng, hành vi của mình. Từ đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Các đương sự đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ của vợ chồng; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở pháp luật.

[2.2] Các con của các đương sự đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; các đương sự không có nợ chung, về tài sản chung không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;
- Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà VTM:
 - Về hôn nhân: Bà VTM được ly hôn với ông NVS.
 - Về con, tài sản chung, nợ chung: Các vấn đề này đương sự không khởi kiện nên Tòa án không thụ lý giải quyết.
2. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 008162 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.
3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- UBND xã PT, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, Lưu trữ cơ quan.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính